

## Good Sense Fruity Fresh Solo

Chỉnh sửa: 2024-10-22

Phiên bản: 01.0

### PHẦN 1: Xác định các chất / pha chế và công ty / cam

#### 1.1 Nhận diện sản phẩm

Tên thương mại: Good Sense Fruity Fresh Solo

#### 1.2 Khuyến cáo cách sử dụng và hạn chế sử dụng

Xem nhãn sản phẩm.

Chỉ dành cho sử dụng chuyên nghiệp.

#### 1.3 Chi tiết của đơn vị cung cấp Bản Thông Tin An Toàn

CÔNG TY TNHH SOLENIS VIỆT NAM

#### Chi tiết liên hệ

Tầng 4&5, Tòa nhà M-Building, Lô C7B-02A, Số 09, Đường số 8, Khu A, Khu Đô Thị Mới Nam Thành phố, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel. 0314996293

#### 1.4 Số điện thoại liên hệ khẩn cấp

Trong trường hợp cấp cứu y tế, vui lòng xem các chỉ dẫn y tế chuyên nghiệp sau

### PHẦN 2: Thành phần / Thông tin về các thành phần

#### 2.1 Các chất / Hợp chất

Thành phần các chất	Số CAS	Số EC	Phân loại	% trọng lượng
(E)-2-Benzylideneoctanal	165184-98-5	639-566-4	Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Kích ứng da, Nhóm 3 (H316) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H400) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2 (H411)	10-20
aluminium hydroxide	21645-51-2	244-492-7		10-20
linalyl acetate	115-95-7	204-116-4	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 3 (H402)	3-10
undecan-4-olide	104-67-6	203-225-4	Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2 (H411) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 3 (H402)	3-10
d-limonene	5989-27-5	227-813-5	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 3 (H226) Độc tính hô hấp qua miệng, Nhóm 1 (H304) Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H400) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H410)	3-10
7-hydroxycitronellal	107-75-5	203-518-7	Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	3-10
4-tert-butylcyclohexyl acetate	32210-23-4	250-954-9	Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2 (H411)	3-10
neryl acetate	141-12-8	205-459-2	Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	3-10
Eugenol	97-53-0	202-589-1	Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317)	3-10
2-tert-butylcyclohexyl acetate	88-41-5	201-828-7	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Kích ứng da, Nhóm 3 (H316) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2	3-10

## Good Sense Fruity Fresh Solo

			(H411)	
linalool	78-70-6	201-134-4	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317)	3-10
geraniol	106-24-1	203-377-1	Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Tổn thương mắt nghiêm trọng, Nhóm 1 (H318) Gây mẫn cảm da, Nhóm 1 (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 3 (H402)	1-3
3,7-dimethyloctan-3-ol	78-69-3	201-133-9	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	1-3
p-menth-1-en-8-ol	98-55-5	202-680-6	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319)	1-3
heptanal	111-71-7	203-898-4	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 3 (H226) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	1-3
ethyl octanoate	106-32-1	203-385-5	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315)	1-3
citral	5392-40-5	226-394-6	Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Nhóm 1 (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	1-3
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-but-en-2-one	127-51-5	204-846-3	Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2B (H320) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2 (H411)	0.1-1
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	77-83-8	201-061-8	Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 2 (H411)	0.1-1
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	103-95-7	203-161-7	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4 (H227) Độc tính sinh sản, Nhóm 2 (H361) Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 3 (H412)	0.1-1
citronellol	106-22-9	203-375-0	Độc tính cấp tính - Qua miệng, Nhóm 5 (H303) Độc tính cấp tính - Qua da, Nhóm 5 (H313) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Kích ứng mắt, Nhóm 2A (H319) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 2 (H401)	0.1-1
(-)-pin-2(3)-ene	7785-26-4	232-077-3	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 3 (H226) Độc tính hô hấp qua miệng, Nhóm 1 (H304) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H400) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H410)	0.1-1
pin-2(10)-ene	127-91-3	204-872-5	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 3 (H226) Kích ứng da, Nhóm 2 (H315) Gây mẫn cảm da, Phân nhóm 1B (H317) Độc tính cấp tính đối với môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H400) Độc tính lâu dài cho môi trường nước, Nhóm 1 M=1 (H410)	0.1-1

Giới hạn phơi sáng tại nơi làm việc, nếu có, được liệt kê trong phần 8.1.  
ATE, nếu có, được liệt kê trong phần 11.

### PHẦN 3: Xác định các nguy hại

#### 3.1 Phân loại về các chất hoặc hợp chất

Kích ứng mắt, Nhóm 2A

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

Kích ứng da, loại 2  
 Nhạy cảm với da, loại 1  
 Độc tính nghiêm trọng cho thủy sinh, loại 2  
 Độc tính thường xuyên cho thủy sinh, loại 2

**3.2 Nhãn**



**Từ Cảnh Báo:** Cảnh báo.

**Tiêu ngữ hiểm họa:**

H315 + H319 - Kích ứng da và mắt nghiêm trọng.  
 H317 - Có thể gây dị ứng da.  
 H411 - Độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

**Tiêu ngữ đề phòng:**

P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ.

**3.3 Các cảnh báo nguy hiểm khác**

Không có các mối nguy khác. Kiểm soát phơi sáng và kỹ thuật phù hợp được cụ thể hóa trong phần 8.2.

**PHẦN 4: Các biện pháp sơ cấp cứu**

**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cấp cứu**

**Thông tin tổng quát:**

Các triệu chứng say thậm chí có thể xảy ra sau vài giờ. Đề nghị tiếp tục thăm khám bác sĩ ít nhất 48 giờ sau khi xảy ra sự cố.

**Hít phải:**

Hỏi ý kiến bác sĩ nếu không thấy khỏe.

**Tiếp xúc với da:**

Rửa da dưới vòi nước chảy nhẹ và ấm. Nếu da bị kích ứng: Hỏi ý kiến bác sĩ.

**Tiếp xúc với mắt:**

Kéo mí mắt ra và rửa mắt với nước ấm ít nhất 15 phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng xảy ra và kéo dài, hỏi ý kiến bác sĩ.

**Tiêu hóa:**

Súc miệng. Ngay lập tức uống 1 ly nước. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Hỏi ý kiến bác sĩ nếu không thấy khỏe.

**Tự bảo vệ của người làm sơ cấp cứu:**

Được trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân như mô tả trong phần 8.2.

**4.2 Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, tức thời và sau đó**

**Hít phải:**

Không có ảnh hưởng hoặc triệu chứng trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Tiếp xúc với da:**

Gây ra kích ứng. Có thể gây dị ứng da.

**Tiếp xúc với mắt:**

Gây kích ứng mạnh.

**Tiêu hóa:**

Không có ảnh hưởng hoặc triệu chứng trong điều kiện sử dụng bình thường.

**4.3 Chỉ dẫn gặp bác sĩ ngay lập tức và các xử lý đặc biệt cần thiết**

Không có thông tin về thử nghiệm tại bệnh viện và quán y dược học. Thông tin về độc tố cụ thể của chất, nếu có, trong phần 11.

**PHẦN 5: Các biện pháp chữa cháy**

**5.1 Phương tiện chữa cháy**

Cacbon dioxit (CO<sub>2</sub>). Bột khô. Nước xịt mạnh. Dập các đám cháy lớn hơn bằng vòi nước mạnh hoặc bọt chống cồn.

**5.2 Các mối nguy đặc biệt từ các chất hoặc hợp chất**

Không có cảnh báo nguy hiểm cụ thể nào.

**5.3 Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa**

Trong bất kỳ đám cháy nào cần phải đeo thiết bị hỗ trợ thở cá nhân và quần áo bảo hộ phù hợp bao gồm găng tay và mặt nạ bảo vệ mắt / mặt.

**PHẦN 6: Các biện pháp xử lý tai nạn**

**6.1 Bảo vệ cá nhân, thiết bị bảo hộ và qui trình cấp cứu**

Tiếp xúc nhiều lần và lâu dài: Đeo găng tay thích hợp.

**6.2 Lưu ý về môi trường**

Không cho phép đổ xuống hệ thống nước thải, nước bề mặt hoặc nước ngầm. Không cho phép đổ xuống đất. Thông báo cho các cơ quan

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

chức năng trong trường hợp sản phẩm chưa được pha loãng bị đổ ra hệ thống nước thải, nước bề mặt hoặc nước ngầm hoặc đất.

**6.3 Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và vệ sinh**

Thu thập một cách máy móc. Không cho vật liệu bị tràn đổ trở vào lại trong dụng cụ đựng ban đầu. Thu gom cho vào dụng cụ đựng kín và thích hợp để thải bỏ.

**6.4 Xem các phần khác**

Đồ bảo hộ cá nhân, xem phần 8.2. Thải bỏ, xem phần 13.

**PHẦN 7: Xử lý và lưu trữ**

**7.1 Lưu ý để vận chuyển an toàn**

**Các biện pháp ngăn chặn đám cháy và nổ:**

Không có cảnh báo đặc biệt nào.

**Các biện pháp cần để bảo vệ môi trường:**

Đối với các biện pháp kiểm soát môi trường, xem phần 8.2.

**Lời khuyên về vệ sinh tổng quát:**

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Tránh xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc. Không trộn với các sản phẩm khác trừ khi có sự hướng dẫn của Diversey. Rửa mặt, tay và mọi phần da bị tiếp xúc cẩn thận sau khi thao tác. Cởi bỏ quần áo đã bị nhiễm. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc. Giặt sạch quần áo bị nhiễm trước khi sử dụng lại. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Chỉ sử dụng với biện pháp thông khí đầy đủ. Xem mục 8.2, Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân.

**7.2 Các điều kiện lưu trữ an toàn, gồm cả các hóa chất kỵ nhau**

Lưu trữ theo qui định của địa phương hoặc chính quyền sở tại. Bảo quản trong dụng cụ đựng kín. Chỉ giữ trong dụng cụ đựng ban đầu. Các điều kiện cần tránh, xem phần 10.4. Các vật liệu xung khắc nhau, xem phần 10.5.

**7.3 Người dùng**

Không có đề nghị cụ thể cho người sử dụng.

**PHẦN 8: Kiểm soát thải bỏ / Bảo vệ cá nhân**

**8.1 Các thông số kiểm soát**

**Giới hạn phơi nhiễm khu vực làm việc**

Giá trị giới hạn không khí, nếu có:

Thành phần các chất	Giá trị dài hạn	Giá trị ngắn hạn
aluminium hydroxide	2.0 mg/m <sup>3</sup>	4 mg/m <sup>3</sup>

Giá trị giới hạn sinh học, nếu có:

**8.2 Kiểm soát sự phơi sáng**

Thông tin dưới đây áp dụng cho cách sử dụng mô tả trong phần 1.2 của Bảng Thông Tin An Toàn Hóa Chất.

Nếu được, xem trang thông tin về sản phẩm phân hướng dẫn thao tác và sử dụng.

Các điều kiện sử dụng bình thường được xác định cho phần này.

Áp dụng các biện pháp an toàn đề nghị khi thao tác sản phẩm chưa được pha loãng :

**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:**

Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Kiểm soát tổ chức phù hợp:**

Tránh tiếp xúc trực tiếp hoặc với vết đổ. Huấn luyện nhân sự.

**Thiết bị bảo hộ cá nhân**

**Bảo vệ mắt / mặt:**

Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Bảo vệ tay:**

Găng tay bảo vệ chống hỏa chất (EN374). Xác định hướng dẫn về thời gian bị thấm và bị thủng do nhà cung cấp găng tay đề ra. Xem xét các điều kiện sử dụng cụ thể tại địa phương như là mối nguy của vết đổ, vết cắt, thời gian tiếp xúc và nhiệt độ.

Đề nghị mang găng tay nếu tiếp xúc lâu dài: Vật liệu: cao su butyl Thời gian tiếp xúc: >= 480 phút Độ dày vật liệu: >= 0.7 mm

Đề nghị mang găng tay bảo vệ khi làm việc với các vết đổ: Vật liệu: cao su nitrile Thời gian tiếp xúc: >= 30 phút Độ dày vật liệu: >= 0.4 mm

Tham vấn nhà cung cấp găng tay bảo vệ về việc chọn một loại khác có cùng chức năng bảo vệ.

**Bảo vệ thân thể:**

Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Bảo vệ hô hấp:**

Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Kiểm soát phơi nhiễm môi trường:**

Không được xả thải vào nước thải hoặc cống rãnh mà chưa pha loãng hoặc được làm trung hòa.

**PHẦN 9: Các đặc tính lý hóa**

**9.1 Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

**Trạng thái vật lý:** Rắn  
**Màu:** Trong suốt , Tái nhợt , Vàng  
**Mùi:** Trái cây  
**Ngưỡng phát hiện mùi:** Không áp dụng  
**pH:** Không đo  
**Điểm tan chảy/Điểm đóng băng (°C):** Chưa xác định  
**Điểm sôi ban đầu và mức sôi (°C):** Chưa xác định

**Phương pháp / lưu ý**

Không liên quan đến phân loại của sản phẩm này  
 Không áp dụng cho chất rắn hoặc khí

**Khả năng cháy (lỏng):** Không áp dụng.  
**Điểm sáng (°C):** Không áp dụng  
**Sự cháy:** Không áp dụng  
 ( Tiêu chí và Kiểm tra bằng tay UN, phần 32, L.2 )

**Tốc Độ Bay Hơi:** Chưa xác định  
**Khả năng cháy (rắn, khí):** Chưa xác định  
**Giới hạn nổ/giới hạn cháy dưới và trên (%):** Chưa xác định  
**Áp suất hơi:** Chưa xác định  
**Tỉ trọng liên quan:** ≈ 1.05 (20 °C)  
**Tỷ khối hơi tương đối:** Không có dữ liệu.  
**Đặc điểm của hạt:** Chưa xác định.  
**Hòa tan trong / Trộn lẫn với nước:** Không tan  
**Hệ số phân tách: n-octanol / nước** Không có thông tin

Không liên quan đến phân loại của sản phẩm này  
 (EC) 440/2008, A10-A11

OECD 109 (EU A.3)  
 Không áp dụng cho chất rắn  
 Không liên quan đến phân loại của sản phẩm này.

Thông tin về chất, hệ số n-octanol / nước (log Kow): xem phần 12.3

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Chưa xác định  
**Nhiệt độ phân hủy:** Không áp dụng  
**Độ nhớt động học:** Không áp dụng cho chất rắn hoặc khí  
**Các đặc tính nổ:** Không nổ. Các hơi có thể hình thành các hỗn hợp nổ với không khí.  
**Các đặc điểm oxy hóa:** Không oxy hóa.

**9.2 Thông tin khác**

**Sức căng bề mặt (N/m):** Chưa xác định  
**Ăn mòn kim loại:** Chưa xác định

Không áp dụng cho chất rắn hoặc khí

**PHẦN 10: Ổn định và phản ứng**

**10.1 Phản ứng**

Không có cảnh báo phản ứng hóa học nguy hiểm trong điều kiện lưu trữ hoặc sử dụng bình thường.

**10.2 Độ ổn định của hóa chất**

Ổn định trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường.

**10.3 Khả năng các phản ứng hóa học nguy hiểm**

Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường.

**10.4 Các điều kiện cần tránh**

Không được biết đến trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường.

**10.5 Các vật liệu kỵ nhau**

Không được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

**10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm**

Không được biết đến trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường.

**PHẦN 11: Thông tin về độc tố**

**11.1 Thông tin về ảnh hưởng của độc tố**

Dữ liệu hợp chất:

**Các liên quan được tính toán ATE:**

ATE - Miệng (mg/kg): >5000

Dữ liệu về chất, nếu có liên quan và có sẵn, được liệt kê bên dưới:

**Độc tính cấp tính**

Độc tính cấp tính qua miệng

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/kg)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	LD <sub>50</sub>	3100	Chuột	OECD 401 (EU B.1)	
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate		9000			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene	LD <sub>50</sub>	4400 - 5100	Chuột	Phương pháp không được đưa ra	
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		3370	Chuột	Phương pháp không được đưa ra	
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol	LD <sub>50</sub>	> 2000			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool	LD <sub>50</sub>	2790	Chuột		
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		8270			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral	LD <sub>50</sub>	> 2000			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		> 5000	Chuột		
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	LD <sub>50</sub>	> 3000			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Độc tính cấp tính qua da

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/kg)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	LD <sub>50</sub>	> 3000	Thỏ	OECD 402 (EU B.3)	
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate		Không có dữ liệu			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene	LD <sub>50</sub>	> 5000	Thỏ	Phương pháp không được đưa ra	
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			

## Good Sense Fruity Fresh Solo

heptanal		Không có dữ liệu		
ethyl octanoate		Không có dữ liệu		
citral		Không có dữ liệu		
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu		
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu		
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu		
citronellol		Không có dữ liệu		
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu		
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu		

## Độc cao với đường hô hấp

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	LC <sub>50</sub>	> 2.12 (sương)	Chuột	OECD 403 (EU B.2)	4
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate		Không có dữ liệu			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene		Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

## Kích ứng và ăn mòn

Kích ứng da và ăn mòn

Thành phần các chất	Kết quả	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm
(E)-2-Benzylideneoctanal	Gây kích ứng	Thỏ	OECD 404 (EU B.4)	4 giờ
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

d-limonene	Gây kích ứng	Thỏ	Phương pháp không được đưa ra	
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu			
heptanal	Không có dữ liệu			
ethyl octanoate	Không có dữ liệu			
citral	Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu			
citronellol	Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu			

**Kích ứng mắt và ăn mòn**

Thành phần các chất	Kết quả	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không ăn mòn hoặc kích ứng	Thỏ	OECD 405 (EU B.5)	
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			
d-limonene	Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu			
heptanal	Không có dữ liệu			
ethyl octanoate	Không có dữ liệu			
citral	Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu			
citronellol	Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu			

**Kích ứng đường hô hấp và ăn mòn**

Thành phần các chất	Kết quả	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu			
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			
d-limonene	Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu		
heptanal	Không có dữ liệu		
ethyl octanoate	Không có dữ liệu		
citral	Không có dữ liệu		
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu		
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu		
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu		
citronellol	Không có dữ liệu		
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu		
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu		

**Nhạy cảm**

Nhạy cảm do tiếp xúc da

Thành phần các chất	Kết quả	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	Nhạy cảm	Chuột	OECD 429 (EU B.42)	
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			
d-limonene	Nhạy cảm	Chuột guinea pig	Phương pháp không được đưa ra	
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu			
heptanal	Không có dữ liệu			
ethyl octanoate	Không có dữ liệu			
citral	Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu			
citronellol	Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu			

Nhạy cảm do hít thở

Thành phần các chất	Kết quả	Loài:	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu			
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			
d-limonene	Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu			
heptanal	Không có dữ liệu			
ethyl octanoate	Không có dữ liệu			
citral	Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu			
citronellol	Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu			

Good Sense Fruity Fresh Solo

pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu		
---------------	------------------	--	--

**Các tác dụng CMR (gây ung thư, gây đột biến gen, và độc cho sinh sản)**

Khả năng gây đột biến gen

Thành phần các chất	Kết quả (trong ống nghiệm)	Phương pháp (trong ống nghiệm)	Kết quả (in vivo)	Phương pháp (in vivo)
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
linalyl acetate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
undecan-4-olide	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
d-limonene	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
neryl acetate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
Eugenol	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
linalool	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
geraniol	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
heptanal	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
ethyl octanoate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
citral	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
citronellol	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu		Không có dữ liệu	

Khả năng gây ung thư

Thành phần các chất	Ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu
linalyl acetate	Không có dữ liệu
undecan-4-olide	Không có dữ liệu
d-limonene	Không có dữ liệu
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
neryl acetate	Không có dữ liệu
Eugenol	Không có dữ liệu
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
linalool	Không có dữ liệu
geraniol	Không có dữ liệu
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu
heptanal	Không có dữ liệu
ethyl octanoate	Không có dữ liệu
citral	Không có dữ liệu
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu
citronellol	Không có dữ liệu
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu

Độc tính sinh sản

Thành phần các chất	Điểm nút	Ảnh hưởng cụ thể	Giá trị (mg/kg bw / ngày)	Loại	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm	Lưu ý và các ảnh hưởng khác được báo cáo
(E)-2-Benzylideneoctanal			Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide			Không có dữ liệu				
linalyl acetate			Không có dữ liệu				

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

undecan-4-olide			Không có dữ liệu				
d-limonene			Không có dữ liệu				
7-hydroxycitronellal			Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate			Không có dữ liệu				
neryl acetate			Không có dữ liệu				
Eugenol			Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate			Không có dữ liệu				
linalool			Không có dữ liệu				
geraniol			Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol			Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol			Không có dữ liệu				
heptanal			Không có dữ liệu				
ethyl octanoate			Không có dữ liệu				
citral			Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one			Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate			Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde			Không có dữ liệu				
citronellol			Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene			Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene			Không có dữ liệu				

**Độc tính liều nhiều lần**

Độc với đường miệng mãn tính hoặc nghiêm trọng

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/kg bw / ngày)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (ngày)	Các ảnh hưởng cụ thể và các cơ quan bị ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu				
linalyl acetate		Không có dữ liệu				
undecan-4-olide		Không có dữ liệu				
d-limonene		Không có dữ liệu				
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
neryl acetate		Không có dữ liệu				
Eugenol		Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
linalool		Không có dữ liệu				
geraniol		Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu				
heptanal		Không có dữ liệu				
ethyl octanoate		Không có dữ liệu				
citral		Không có dữ liệu				

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

		liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu				
citronellol		Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu				

**Độc tính bán lâu dài qua da**

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/kg bw / ngày)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (ngày)	Các ảnh hưởng cụ thể và các cơ quan bị ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu				
linalyl acetate		Không có dữ liệu				
undecan-4-olide		Không có dữ liệu				
d-limonene		Không có dữ liệu				
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
neryl acetate		Không có dữ liệu				
Eugenol		Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
linalool		Không có dữ liệu				
geraniol		Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu				
heptanal		Không có dữ liệu				
ethyl octanoate		Không có dữ liệu				
citral		Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu				
citronellol		Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu				

**Độc với đường thở mãn tính**

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/kg bw / ngày)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (ngày)	Các ảnh hưởng cụ thể và các cơ quan bị ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu				
linalyl acetate		Không có dữ liệu				
undecan-4-olide		Không có dữ liệu				
d-limonene		Không có dữ liệu				
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu				

Good Sense Fruity Fresh Solo

		liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
neryl acetate		Không có dữ liệu				
Eugenol		Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
linalool		Không có dữ liệu				
geraniol		Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu				
heptanal		Không có dữ liệu				
ethyl octanoate		Không có dữ liệu				
citral		Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu				
citronellol		Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu				

Độc tính lâu dài

Thành phần các chất	Con đường phơi nhiễm	Điểm mấu	Giá trị (mg/kg bw / ngày)	Loại	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm	Các ảnh hưởng cụ thể và các cơ quan bị ảnh hưởng	Lưu ý
(E)-2-Benzylideneoctanal			Không có dữ liệu					
aluminium hydroxide			Không có dữ liệu					
linalyl acetate			Không có dữ liệu					
undecan-4-olide			Không có dữ liệu					
d-limonene			Không có dữ liệu					
7-hydroxycitronellal			Không có dữ liệu					
4-tert-butylcyclohexyl acetate			Không có dữ liệu					
neryl acetate			Không có dữ liệu					
Eugenol			Không có dữ liệu					
2-tert-butylcyclohexyl acetate			Không có dữ liệu					
linalool			Không có dữ liệu					
geraniol			Không có dữ liệu					
3,7-dimethyloctan-3-ol			Không có dữ liệu					
p-menth-1-en-8-ol			Không có dữ liệu					
heptanal			Không có dữ liệu					
ethyl octanoate			Không có dữ liệu					
citral			Không có dữ liệu					
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one			Không có dữ liệu					
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate			Không có dữ liệu					
3-p-cumenyl-2-methylpr			Không có dữ liệu					

## Good Sense Fruity Fresh Solo

opionaldehyde			liệu				
citronellol			Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene			Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene			Không có dữ liệu				

## STOT-phơi nhiễm đơn

Thành phần các chất	Các cơ quan bị ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu
linalyl acetate	Không có dữ liệu
undecan-4-olide	Không có dữ liệu
d-limonene	Không có dữ liệu
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
neryl acetate	Không có dữ liệu
Eugenol	Không có dữ liệu
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
linalool	Không có dữ liệu
geraniol	Không có dữ liệu
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu
heptanal	Không có dữ liệu
ethyl octanoate	Không có dữ liệu
citral	Không có dữ liệu
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu
citronellol	Không có dữ liệu
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu

## STOT-phơi nhiễm lặp lại

Thành phần các chất	Các cơ quan bị ảnh hưởng
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu
linalyl acetate	Không có dữ liệu
undecan-4-olide	Không có dữ liệu
d-limonene	Không có dữ liệu
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
neryl acetate	Không có dữ liệu
Eugenol	Không có dữ liệu
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu
linalool	Không có dữ liệu
geraniol	Không có dữ liệu
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu
heptanal	Không có dữ liệu
ethyl octanoate	Không có dữ liệu
citral	Không có dữ liệu
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu
citronellol	Không có dữ liệu
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu

**Hiểm họa hít phải qua miệng**

Các chất với các cảnh báo hô hấp (H304), nếu có, được liệt kê trong phần 3.

**Các triệu chứng và ảnh hưởng ngược về sức khỏe tiềm ẩn**

Các triệu chứng và ảnh hưởng liên quan đến sản phẩm, nếu có, được liệt kê trong phần 4.2.

**PHẦN 12: Thông tin về sinh thái học**

Good Sense Fruity Fresh Solo

12.1 Độc tố

Không có dữ liệu về hợp chất.

Dữ liệu về chất, nếu có liên quan và có sẵn, được liệt kê bên dưới:

**Độc ngắn hạn cho đời sống thủy sinh**

Độc ngắn hạn cho đời sống thủy sinh - cá

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	LC <sub>50</sub>	1.7	<i>Pimephales promelas</i>	OECD 203, lưu động	96
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate	LC <sub>50</sub>	11	<i>Cyprinus carpio</i>	OECD 203, lưu động	96
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene	LC <sub>50</sub>	0.72	<i>Pimephales promelas</i>	OECD 203	96
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate	LC <sub>50</sub>	6		QSAR	
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	LC <sub>50</sub>	62	<i>Brachydanio rerio</i>	Độc qua	96
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Độc ngắn hạn cho đời sống thủy sinh - động vật giáp xác

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	EC <sub>50</sub>	0.247	<i>Daphnia magna Straus</i>	OECD 202, di chuyển	48
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate	EC <sub>50</sub>	59	<i>Daphnia</i>	OECD 202, tĩnh	48
undecan-4-olide	EC <sub>50</sub>	5.85	<i>Daphnia magna Straus</i>	OECD 202, tĩnh	48
d-limonene	EC <sub>50</sub>	0.36	<i>Daphnia magna Straus</i>	OECD 202	48
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate	EC <sub>50</sub>	9.06	<i>Daphnia magna Straus</i>	OECD 202, tĩnh	48
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			

Good Sense Fruity Fresh Solo

linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	EC <sub>50</sub>	73	<i>Daphnia magna Straus</i>	Độc qua	48
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Độc ngắn hạn cho đời sống thủy sinh - tảo

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (giờ)
(E)-2-Benzylideneoctanal	EC <sub>50</sub>	> 0.065	<i>Desmodesmus subspicatus</i>	OECD 201, tính	72
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate	EC <sub>50</sub>	68	<i>Pseudokirchneriella subcapitata</i>	OECD 201	72
undecan-4-olide	EC <sub>50</sub>	7.218	<i>Pseudokirchneriella subcapitata</i>	OECD 201, tính	72
d-limonene	E <sub>r</sub> C <sub>50</sub>	150	<i>Desmodesmus subspicatus</i>	OECD 201	72
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate	EC <sub>50</sub>	4.9		QSAR	
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	E <sub>b</sub> C <sub>50</sub>	17	Không phân loại	Độc qua	72
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Độc ngắn hạn cho đời sống thủy sinh - các loài sinh vật biển

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm (ngày)
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu			
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate		Không có dữ liệu			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene		Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải-độc cho các vi khuẩn

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Truyền chất độc	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu			
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu			
linalyl acetate		Không có dữ liệu			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene		Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			

Good Sense Fruity Fresh Solo

heptanal		Không có dữ liệu		
ethyl octanoate		Không có dữ liệu		
citral		Không có dữ liệu		
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu		
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu		
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu		
citronellol		Không có dữ liệu		
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu		
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu		

**Độc dài hạn cho đời sống thủy sinh**

Độc dài hạn cho đời sống thủy sinh - cá

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm	Các ảnh hưởng quan sát được
(E)-2-Benzylideneoctanal		Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu				
linalyl acetate		Không có dữ liệu				
undecan-4-olide		Không có dữ liệu				
d-limonene		Không có dữ liệu				
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
neryl acetate		Không có dữ liệu				
Eugenol		Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu				
linalool		Không có dữ liệu				
geraniol		Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu				
heptanal		Không có dữ liệu				
ethyl octanoate		Không có dữ liệu				
citral		Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu				
citronellol		Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu				

Độc dài hạn cho đời sống thủy sinh - động vật giáp xác

Thành phần các chất	Điểm nút	Giá trị (mg/l)	Loài	Phương pháp	Thời gian phơi nhiễm	Các ảnh hưởng quan sát được
(E)-2-Benzylideneoctanal	NOEC (Nồng độ cao nhất không quan sát thấy tác dụng)	0.063	<i>Daphnia magna</i>	OECD 211, chảy qua	21 ngày	
aluminium hydroxide		Không có dữ liệu				

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

		liệu			
linalyl acetate		Không có dữ liệu			
undecan-4-olide		Không có dữ liệu			
d-limonene		Không có dữ liệu			
7-hydroxycitronellal		Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
neryl acetate		Không có dữ liệu			
Eugenol		Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate		Không có dữ liệu			
linalool		Không có dữ liệu			
geraniol		Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol		Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol		Không có dữ liệu			
heptanal		Không có dữ liệu			
ethyl octanoate		Không có dữ liệu			
citral		Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one		Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate		Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde		Không có dữ liệu			
citronellol		Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene		Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene		Không có dữ liệu			

Độc cho đời sống thủy sinh cho các sinh vật đáy, bao gồm các sinh vật trú ngụ dưới lớp trầm tích, nếu có:

**Độc với đất**

Độc với đất - giun đất, nếu có:

Độc với đất - thực vật, nếu có:

Độc với đất - chim, nếu có:

Độc với đất - các loại côn trùng có lợi, nếu có:

Độc với đất - vi khuẩn trong đất, nếu có:

**12.2 Sự tồn tại và phân hủy**

**Phân hủy phi sinh học**

Phân hủy phi sinh học - phân hủy quang trong không khí, nếu có:

Phân hủy phi sinh học - thủy phân, nếu có:

Phân hủy phi sinh học - các quá trình khác, nếu có:

**Khả năng bị phân hủy sinh học**

Phân hủy sinh học nhanh - các điều kiện thiếu khí

Thành phần các chất	Truyền chất độc	Phương pháp phân tích	DT <sub>50</sub>	Phương pháp	Đánh giá
(E)-2-Benzylideneoctanal	Bùn được hoạt hóa, vi sinh vật ưa khí	Giảm Oxy	97% trong 28 ngày	OECD 301F	Đễ phân hủy sinh học
aluminium hydroxide					Không áp dụng (chất vô cơ)
linalyl acetate				OECD 301F	Đễ phân hủy sinh học
undecan-4-olide				OECD 301F	Đễ phân hủy sinh học

d-limonene			80 % trong 28 ngày	OECD 301D	Để phân hủy sinh học
7-hydroxycitronellal				OECD 301F	Để phân hủy sinh học
4-tert-butylcyclohexyl acetate				OECD 301B	Để phân hủy sinh học
neryl acetate		Giảm Oxy	90% trong 28 ngày	Độc qua	Để phân hủy sinh học
Eugenol					Để phân hủy sinh học
2-tert-butylcyclohexyl acetate				Phương pháp không được đưa ra	Không dễ dàng bị phân hủy sinh học
linalool	Bùn được hoạt hóa, vì sinh vật ưa khí	Giảm Oxy	64.2% trong 28 ngày	OECD 301D	Để phân hủy sinh học
geraniol				OECD 301F	Để phân hủy sinh học
3,7-dimethyloctan-3-ol					Để phân hủy sinh học
p-menth-1-en-8-ol				OECD 310	Để phân hủy sinh học
heptanal		Giảm Oxy	> 63 <74% trong 28 ngày	OECD 301D	Để phân hủy sinh học
ethyl octanoate	Bùn được hoạt hóa, vì sinh vật ưa khí	Thế hệ CO <sub>2</sub>	91.8% trong 28 ngày	OECD 301B	Để phân hủy sinh học
citral				OECD 301F	Để phân hủy sinh học
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one				OECD 301B	Không dễ dàng bị phân hủy sinh học
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate					Không dễ dàng bị phân hủy sinh học
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde				OECD 301B	Để phân hủy sinh học
citronellol	Bùn được hoạt hóa, vì sinh vật ưa khí	Thế hệ CO <sub>2</sub>		OECD 301F	Để phân hủy sinh học
(-)-pin-2(3)-ene		Giảm Oxy	68% trong 28 ngày	OECD 301D	Để phân hủy sinh học
pin-2(10)-ene				Trọng lượng của băng chứng	Để phân hủy sinh học

Phân hủy sinh học nhanh - các điều kiện của biển và kỵ khí, nếu có:

Phân hủy trong các thành phần môi trường liên quan, nếu có:

### 12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Phần hệ số octan / nước (log Kow)

Thành phần các chất	Giá trị	Phương pháp	Đánh giá	Lưu ý
(E)-2-Benzylideneoctanal	5.3	OECD 117		ở 24 °C
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu			
linalyl acetate	Không có dữ liệu			
undecan-4-olide	Không có dữ liệu			
d-limonene	Không có dữ liệu		Khả năng cao để tích lũy sinh học	
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu			
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
neryl acetate	Không có dữ liệu			
Eugenol	Không có dữ liệu			
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu			
linalool	Không có dữ liệu			
geraniol	Không có dữ liệu			
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu			
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu			
heptanal	Không có dữ liệu			
ethyl octanoate	Không có dữ liệu			
citral	Không có dữ liệu			
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu			
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu			
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu			
citronellol	Không có dữ liệu			
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu			
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu			

Hệ số tích tụ sinh học (BCF)

Thành phần các chất	Giá trị	Loại	Phương pháp	Đánh giá	Lưu ý
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu				

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

aluminium hydroxide	Không có dữ liệu				
linalyl acetate	Không có dữ liệu				
undecan-4-olide	Không có dữ liệu				
d-limonene	683.1		Phương pháp không được đưa ra	Khả năng cao để tích lũy sinh học	
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu				
neryl acetate	Không có dữ liệu				
Eugenol	Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu				
linalool	Không có dữ liệu				
geraniol	Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu				
heptanal	Không có dữ liệu				
ethyl octanoate	Không có dữ liệu				
citral	Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu				
citronellol	Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu				

**12.4 Tính luân chuyển trong đất**

Sự hấp thu / Thải ra với đất và trầm tích

Thành phần các chất	Hệ số hấp thu Log Koc	Hệ số giải hấp Log Koc(des)	Phương pháp	Đất / Loại trầm tích	Đánh giá
(E)-2-Benzylideneoctanal	Không có dữ liệu				
aluminium hydroxide	Không có dữ liệu				
linalyl acetate	Không có dữ liệu				
undecan-4-olide	Không có dữ liệu				
d-limonene	Không có dữ liệu				Khả năng cao di động trong đất
7-hydroxycitronellal	Không có dữ liệu				
4-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu				
neryl acetate	Không có dữ liệu				
Eugenol	Không có dữ liệu				
2-tert-butylcyclohexyl acetate	Không có dữ liệu				
linalool	Không có dữ liệu				
geraniol	Không có dữ liệu				
3,7-dimethyloctan-3-ol	Không có dữ liệu				
p-menth-1-en-8-ol	Không có dữ liệu				
heptanal	Không có dữ liệu				
ethyl octanoate	Không có dữ liệu				
citral	Không có dữ liệu				
3-methyl-4-(2,6,6-trimethyl-2-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one	Không có dữ liệu				
ethyl 2,3-epoxy-3-phenylbutyrate	Không có dữ liệu				
3-p-cumenyl-2-methylpropionaldehyde	Không có dữ liệu				
citronellol	Không có dữ liệu				
(-)-pin-2(3)-ene	Không có dữ liệu				
pin-2(10)-ene	Không có dữ liệu				

**12.5 Các ảnh hưởng ngược khác**

Không có ảnh hưởng ngược nào được biết đến.

**PHẦN 13: Các vấn đề cần xem xét khi thải bỏ**

**13.1 Các phương pháp xử lý chất thải**

**Chất thải từ sản phẩm chưa sử dụng:**

Phản hóa chất đậm đặc hoặc bao bì bị dính hóa chất nên được thải bỏ bởi đơn vị chức năng hoặc theo giấy phép. Thải bỏ các chất thải ra hệ thống cống là không được phép. Các vật liệu bao bì

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

sạch phù hợp cho tái chế năng lượng hoặc tái chế theo pháp luật hiện hành.

**Đổ hết trong bao bì ra**  
**Đề nghị:**

Thải bỏ theo qui định/luật của địa phương, thành phố hoặc quốc gia.

**PHẦN 14: Vận chuyển**



**Vận chuyển đường bộ, Vận chuyển đường biển (IMDG), Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)**

**14.1 Số UN:** 3077

**14.2 Tên vận chuyển đúng UN:**

Environmentally hazardous substance, solid, n.o.s. ( dipentene )

**14.3 Phân loại mối nguy vận chuyển:**

Nhãn: 9

**14.4 Nhóm đóng hàng:** III

**14.5 Mối nguy môi trường:**

Cảnh báo về môi trường: Có

Chất gây ô nhiễm cho biển: Có

**14.6 Lưu ý đặc biệt cho người sử dụng:** Chưa được biết.

**14.7 Vận chuyển với thể tích lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Mã IBC:** Sản phẩm không được vận chuyển trong các thùng lớn.

**Các thông tin liên quan khác:**

**IMO/IMDG**

EmS: F-A, S-F

Nội quy vận chuyển bao gồm các phần đặc biệt về phân loại các hàng hóa nguy hiểm được đóng gói với số lượng nhỏ theo UN3077 hoặc UN3082.

**PHẦN 15: Thông tin về luật**

**15.1 Chi dẫn / pháp lý về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho các chất và hoặc hợp chất**

**Luật quốc gia**

• Nghị định 108/2008/NP-CP, Thông tư số :04/2012/TT-BCT. Quy Định về Phân Loại và Nhân Hóa Chất

**PHẦN 16: Thông tin khác**

*Thông tin trong văn bản này được dựa trên kiến thức hiện hành tốt nhất của chúng tôi. Tuy nhiên, nó không cấu thành bảo đảm cho bất kỳ 1 mặt cụ thể nào của sản phẩm và không xem là thông tin pháp lý trong hợp đồng cung cấp*

**Mã SDS:** MS4800564

**Phiên bản:** 01.0

**Chỉnh sửa:** 2024-10-22

**Chữ viết tắt và ký hiệu chữ đầu:**

- ATE - Độc tố nghiêm trọng ước đoán
- DNEL - Không giới hạn ảnh hưởng
- EC50 - nồng độ gây tác dụng, 50%
- LC50 - nồng độ tử vong, 50%
- LD50 - liều tử vong, 50%
- NOAEL - Mức cao nhất không quan sát thấy tác dụng có hại
- NOEL - mức cao nhất không quan sát thấy tác dụng
- OECD - Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
- PNEC - Không tập trung ảnh hưởng dự đoán được
- STOT-RE - Độc tính đối với cơ quan đích đặc hiệu (phơi nhiễm lặp lại)
- STOT-SE - Độc tính đối với cơ quan đích đặc hiệu (phơi nhiễm đơn)
- H226 - Chất lỏng và hơi dễ cháy.
- H227 - Chất lỏng có thể cháy.
- H303 - Có thể có hại khi nuốt phải.
- H304 - Có thể chết người khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

**Good Sense Fruity Fresh Solo**

- H315 - Gây kích ứng da.
- H316 - Gây kích ứng nhẹ cho da.
- H317 - Có thể gây dị ứng da.
- H318 - Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- H320 - Gây kích ứng mắt.
- H361 - Nghi ngờ gây tổn thương cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
- H400 - Rất độc cho các thủy sinh vật.
- H402 - Có hại cho các thủy sinh vật.
- H410 - Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
- H411 - Độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
- H412 - Có hại cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

**Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn**